

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U MINH  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/DS-ST**  
Ngày 17-02-2022  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Hiệp

Bà Lê Thị Quyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Lê Vũ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2021/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà X:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** 1. Bà Trần Phương N (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị X có tham gia 01 chân trong dây hui mở ngày 20/02/2018 âm lịch gồm 30 chân do bà Nguyễn Thị L làm chủ. Quá trình tham gia bà X thỏa

thuận đối với bà L chân hụi trong dây hụi mở ngày 19/02/2018 âm lịch gồm 31 chân. Đến ngày 19/7/2019 âm lịch, bà X bỏ thăm 1.000.000 đồng tại kỳ khai hụi lần thứ 18 hốt được số tiền 75.500.000 đồng. Ngày 04/8/2019 âm lịch, vợ chồng bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B là cháu của bà X thỏa thuận mượn chân hụi trên, sau khi mượn thì mỗi tháng ông Nam, bà Biên sẽ đóng cho bà X mỗi tháng bằng giá hụi sống là 1.000.000 đồng còn bà X sẽ đóng phần còn lại 2.000.000 đồng cho đến khi mãn hụi là tháng 7 năm 2020 âm lịch, tổng cộng 13 kỳ. Việc thỏa thuận được thể hiện bằng Biên nhận ngày 04/8/2019 âm lịch có chữ ký của bà Trần Phương N. Tuy nhiên bà N, ông Biên không thực hiện theo thỏa thuận, do đó bà X yêu cầu bà N, ông Biên trả số tiền của chân hụi đã hốt theo giá hụi chết là 90.000.000 đồng và số tiền mà bà X đã đóng thay bà N, ông Biên trong 13 kỳ hụi chết là 13.000.000 đồng. Tổng số tiền bà X yêu cầu bà N, ông Biên trả là 103.000.000 đồng.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:* Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 466, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 75.500.000 đồng và tiền lãi 13.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B trả số tiền 14.500.000 đồng, các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông Biên.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tại đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị X yêu cầu bà Trần Phương N, ông Nguyễn Văn B trả số tiền xuất phát từ dây hụi mở ngày 19/02/2018 âm lịch do bà Nguyễn Thị L làm chủ. Tuy nhiên, việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trong giao dịch hụi giữa bà X với bà N, ông Biên không có sự thống nhất của chủ hụi và các hụi viên, đồng thời tại thời điểm các bên thỏa thuận thì bà X đã hốt chân hụi trên và giao cho bà N, ông Biên số tiền cụ thể. Do đó tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X thấy rằng: Bà X yêu cầu bà N, ông Biên trả số tiền của chân hụi đã hót theo giá hụi chết là 90.000.000 đồng và số tiền mà bà X đã đóng thay bà N, ông Biên trong 13 kỳ hụi chết là 13.000.000 đồng, tổng cộng là 103.000.000 đồng.

Xét thấy ngày 19/7/2019 âm lịch, bà X bỏ thăm 1.000.000 đồng tại kỳ khai hụi lần thứ 18 của dây hụi mở ngày 19/02/2018 âm lịch, hót được số tiền 75.500.000 đồng. Ngày 04/8/2019 âm lịch, vợ chồng bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B thỏa thuận mượn chân hụi trên, sau khi mượn thì mỗi tháng ông Nam, bà Biên sẽ đóng cho bà X mỗi tháng bằng giá hụi sống là 1.000.000 đồng. Thực tế bà X đã giao cho bà N, ông Biên toàn bộ số tiền hụi đã hót. Do tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên xác định số tiền vay gốc là 75.500.000 đồng và tiền lãi thỏa thuận là 1.000.000 đồng/tháng, thời hạn đóng lãi là 13 tháng tương ứng 13.000.000 đồng. Do lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất theo quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X, buộc bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà X tổng số tiền 88.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 75.500.000 đồng và tiền lãi 13.000.000 đồng.

Mặc dù văn bản thỏa thuận chỉ có bà N ký tên nhưng tại thời điểm xác lập văn bản thì bà Trần Phương N và ông Nguyễn Văn B là vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ bà N, ông Biên nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến nên xem như bị đơn từ bỏ quyền của mình và cố tình trốn tránh nghĩa vụ với nguyên đơn.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà N và ông Biên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền theo yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là  $88.500.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.425.000 \text{ đồng}$ .

Bà X thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Tuyên xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X, buộc bà Trần Phương N, ông Nguyễn Văn B trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 88.500.000 (tám mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Trần Phương N, ông Nguyễn Văn B trả số tiền 14.500.000 (mười bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị X thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Trần Phương N, ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.425.000 (bốn triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng (chưa nộp).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Hồng Ý**